

Bản án số: **209/2019/HNGĐ-ST**.
Ngày: 28-11-2019.
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Thê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đình Bảy;
2. Bà Phạm Thị Như Sứy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Liêm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 159/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1995. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn Ph, xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.
2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Công H, sinh năm 1993. Vắng mặt lần thứ hai không lý do.
Địa chỉ: Thôn G, xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/9/2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 08/6/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc nhưng hơn 01 năm nay giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống, công việc

làm và các mối quan hệ xã hội. Gia đình hai bên đã tổ chức hòa giải nhưng không thể hàn gắn được. Nay vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ng, sinh ngày 06/9/2016. Chị L yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng cho đến khi con đủ tuổi thành niên.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt với lý do: Hiện nay chị đang đi làm ăn xa không thể về tham gia phiên tòa được nên xin được xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không có mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa là vi phạm quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị L được ly hôn với anh H và giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên; buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nơi cư trú của anh H tại thôn G, xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam; chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 08/6/2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị L và anh H sống hạnh phúc, nhưng hơn 01 năm nay giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã nhau. Nguyên nhân theo chị L là do vợ

chồng bất đồng quan điểm sống, công việc làm và các mối quan hệ xã hội. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không thể hàn gắn được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Hiện nay, chị L và anh H đã không còn chung sống với nhau. Điều này thể hiện, mâu thuẫn giữa chị L và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống giữa chị L và anh H có một con chung tên Nguyễn Ng, sinh ngày 06/9/2016. Chị L có nguyện vọng nuôi con. Chị L đang làm nhân viên tại Khách sạn New Orient thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 5.000.000 đồng nên đảm bảo điều kiện nuôi con. Cháu Ng từ nhỏ đến nay đều do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng và hiện cháu đang ở với mẹ. Mặc khác, anh H trong quá trình giải quyết vụ án không hợp tác, thể hiện sự không quan tâm đến con cái và từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của cháu Ng, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Ng cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị L là hợp lý, có căn cứ nên áp dụng Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị L.

[5] Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh Nguyễn Công H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Công H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ng, sinh ngày 06/9/2016 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Công H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 12/2019 cho đến khi cháu Ng đủ tuổi thành niên (*đủ 18 tuổi*).

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000 đồng mà chị L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007097 ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Công H phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/11/2019); đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Phong, huyện Quế Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Võ Văn Thế

